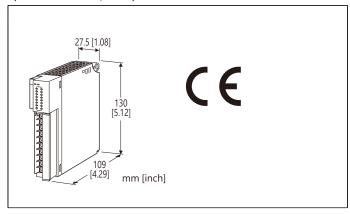
## R3系列遠端 I/O

## 單擊脈波輸出模組

(繼電器接點輸出, 16點)



型號: R3-PD16[1][2]

## 訂購時指定事項

型號代碼: R3-PD16[1][2]
参考下面 [1] ~ [2] 的說明, 並指定各項代碼。
(例如: R3-PD16W/CE/Q)

• 指定選項代碼 /Q的規格 (例如: /C01/SET)

#### 輸出點數

16: 16點

## [1] 通信模式

S: 單通道通信(Single) W: 雙通道通信(Dual)

## [2] 選項 (可複選)

適用標準 & 認證

空白: 無 CE /**CE**: CE 標誌

其它選項空白: 無

/Q: 有上述以外其它選項 (由 選項規格指定)

## 選項規格: Q (可複選)

塗層處理 (有關詳細資訊, 請參考公司的網站。)

/C01: 矽膠塗層 /C02: 聚氨酯塗層 /C03: 橡膠塗層 出廠時預設

/SET: 根據訂購資訊表(No. ESU-8395)進行預設

## 相關產品

• 通信模組 (型號: R3-Nx)

輸出完成狀態與下列韌體版本 V2.00 以上的通信模組型號相容: R3-NC1、-NC3、-NE1、-NM1 和 -Ndx。上述以外的早期韌體版本及其他通信模組則不支援, 因此, 請將 I/O 模式設定為輸出動作(SW2-7: ON)。

注意: R3-NL1 和 -NL2 與本模組不相容。

#### 一般規格

## 連接方式

• **內部通信匯流排**: 透過基座 (型號: R3-BSx)

• 輸出: M3 可分離螺絲端子台 (扭力 0.5 N·m)

• 内部電源: 透過基座 (型號: R3-BSx) 供給

端子螺絲: 鍍鎳鋼

隔離: 輸出-內部通信匯流排或內部電源之間

輸出模式設定: 可使用指撥開關選擇-單擊輸出模式、ON/OFF

控制輸出模式、連續輸出模式

輸出資料長度: 可使用指撥開關選擇-16位元、8位元

(僅適用 ON/OFF 控制輸出模式)

I/O 模式設定: 可使用指撥開關選擇輸出完成狀態的 ON/OFF

單擊 ON 時間設定: 可使用指撥開關選擇 0.1 ~ 25.6 秒 ON/OFF 控制輸出設定: 可透過指撥開關設定成對性交換

輸出保持機能: 通信異常時的輸出狀態(保持或 OFF), 可使用

側面的指撥開關設定(僅在連續輸出模式下有效)

RUN 指示燈: 雙色(紅/綠) LED;

內部通信匯流排A 正常時, 紅燈 ON;

內部通信匯流排B 正常時, 綠燈 ON;

通信匯流排A及匯流排B都正常時,琥珀燈ON。

ERR 指示燈: 雙色(紅/綠) LED;

正常動作時, 綠燈 ON;

設定異常時, 紅燈 ON

輸出狀態指示燈: 紅色 LED; 輸出時亮燈

#### 輸出規格

INNIN

**輸出信號**: 繼電器接點, 16點

COM 點: 共用1點 COM (4個端子)

**COM 電流**: 4A 以下(4個端子合計)

**額定負載**: 250V AC @0.5A (cosθ = 1時)

(符合歐盟指令時低於 50V AC)

30V DC @0.5A (電阻性負載時)

**電氣壽命**: 10萬次 (頻率 6次 /分鐘)

最大開閉電壓: 250V AC 或 30V DC

最大開閉功率 250VA 或 30W

最小適用負載: 1V DC @1mA

機械壽命: 2,000萬次 (頻率 300次 /分鐘)

當驅動電感性負載時,建議使用外部的接點保護和抑制雜訊。

型號: R3-PD16

#### 安裝規格

使用溫度範圍: -10 ~ +55°C (14 ~ 131°F) 使用濕度範圍: 30 ~ 90%RH (無結露) 周圍環境: 無腐蝕性氣體或嚴重粉塵 固定方式: 基座 (型號: R3-BSx) 上安裝

重量: 200g (0.44lb)

#### 性能

#### 輸出 ON 時間設定精度

設定時間為1秒以下時: ±10%設定時間為1秒以上時: ±0.1秒

佔有區域: 1 消耗電流: 180mA

反應時間: 0.1秒以下(延遲)

絕緣阻抗: 100MΩ以上 /500V DC

耐電壓:

1500V AC @1分鐘 (輸出-內部通信匯流排或內部電源之間) 2000V AC @1分鐘 (供給電源-FG 之間; 在電源模組上隔離)

# 適用標準及認證

#### EU 符合性:

EMC 指令

EMI EN 61000-6-4 EMS EN 61000-6-2

RoHS 指令

#### 用語解說

#### ■輸出保持或輸出 OFF

正常情況下, 模組優先將匯流排A 的信號輸出。當偵測到異常時, 切換為匯流排B 的信號輸出。

#### • 輸出保持

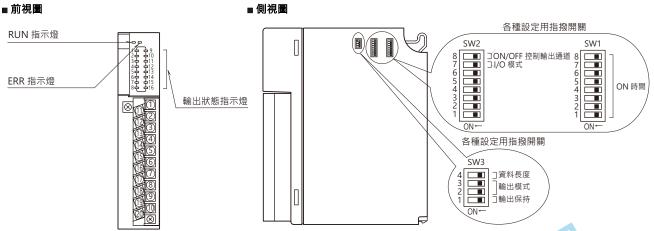
如果兩者都出現異常, 模組將保持之前的信號, 並處於待機狀態, 直到其中一個通信恢復正常。

#### ·輸出 OFF

如果兩者都出現異常, 模組將輸出 OFF 的信號, 並處於待機狀態, 直到其中一個通信恢復正常。

啟動時輸出為 OFF, 直至建立通信並接收正常資料。

# 外部視圖



# 輸出入資料說明

#### ■單擊輸出模式

16 位元輸出資料(Do 1 ~ 16)和輸出(Ch1 ~ 16)以 1:1 分配。 當 I/O 模式設定為輸出動作(SW2-7: ON)時, 不顯示輸出完成狀態。

Do 1	Do	寫入資料	單擊輸出/重置	Di	輸出完了狀態
Do 1			·		
Do 2	Do 1			DIT	CIT+制山元」が思
Do 2		-		D: 2	Ch2 絵山ウフ州能
Do 3	Do 2			DIZ	CIIZ 躺山光 J K 思
Do 3				D: 3	Ch2 輸出中了供能
Do 4	Do 3	-		טוס	CH3 棚山光 J 水葱
Do 4 0 Ch4 输出完了重置   Do 5 1 Ch5 输出   Do 6 1 Ch6 输出   Do 6 1 Ch6 输出   Do 7 1 Ch7 输出   Do 7 1 Ch7 输出完了重置   Do 8 1 Ch8 输出   Do 8 0 Ch8 输出完了重置   Do 9 1 Ch9 输出   Do 10 0 Ch9 输出完了重置   Do 10 1 Ch10 输出   Do 10 0 Ch10 输出完了重置   Do 11 0 Ch11 输出 Di 10   Do 11 0 Ch11 输出完了重置   Do 12 0 Ch12 输出完了重置   Do 13 0 Ch13 输出 Di 12   Do 13 0 Ch13 输出 Di 13 Ch13 输出完了狀態   Do 14 0 Ch14 输出 Di 14 Ch14 输出完了狀態   Do 15 0 Ch15 输出 Di 15 Ch15 输出完了狀態   Do 15 0 Ch15 输出完了重置 Di 16 Ch16 输出完了狀態   Do 16 1 Ch16 输出 Di 16 Ch16 输出完了狀態		_		D; 4	Ch/ 輸出空乙狀能
Do 5 1 Ch5 輸出   Do 6 1 Ch6 輸出   Do 6 1 Ch6 輸出   Do 7 1 Ch7 輸出   Do 7 1 Ch7 輸出   Do 8 1 Ch8 輸出   Do 8 1 Ch8 輸出   Do 9 1 Ch9 輸出   Do 9 1 Ch9 輸出   Do 10 1 Ch10 輸出   Do 10 1 Ch10 輸出完了重置   Do 10 1 Ch10 輸出完了重置   Do 11 1 Ch11 輸出   Do 12 1 Ch12 輸出   Do 12 1 Ch12 輸出   Do 12 0 Ch12 輸出完了重置   Do 13 1 Ch13 輸出   Do 14 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 1 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 4	-		DI 4	CII4
Do 5 Ch5 輸出完了重置   Do 6 1 Ch6 輸出 Di 6 Ch6 輸出完了账態   Do 7 1 Ch7 輸出 Di 7 Ch7 輸出完了狀態   Do 7 0 Ch7 輸出完了重置 Di 8 Ch8 輸出完了狀態   Do 8 1 Ch8 輸出 Di 8 Ch8 輸出完了狀態   Do 9 1 Ch9 輸出 Di 9 Ch9 輸出完了狀態   Do 9 1 Ch10 輸出 Di 10 Ch10 輸出完了狀態   Do 10 0 Ch10 輸出完了重置 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 11 1 Ch11 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 0 Ch12 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態				D: F	ChE 輸出中乙甲能
Do 6	Do 5			DI 5	CII3 躺山尤 J / / / / / / / / / / / / / / / / / /
Do 6				D: 6	Ch6 輸出空子狀態
Do 7   1   Ch7 輸出完了重置     0   Ch7 輸出完了重置   Di 8   Ch8 輸出完了狀態     Do 8   0   Ch8 輸出完了重置   Di 9   Ch8 輸出完了狀態     Do 9   1   Ch9 輸出   Di 9   Ch9 輸出完了狀態     Do 10   1   Ch10 輸出   Di 10   Ch10 輸出完了狀態     Do 11   1   Ch11 輸出   Di 11   Ch11 輸出完了狀態     Do 11   1   Ch11 輸出完了重置   Di 12   Ch12 輸出完了狀態     Do 12   0   Ch12 輸出完了重置   Di 13   Ch13 輸出完了狀態     Do 13   0   Ch13 輸出完了重置   Di 14   Ch14 輸出完了狀態     Do 14   0   Ch14 輸出   Di 15   Ch15 輸出完了狀態     Do 15   0   Ch15 輸出完了重置   Di 16   Ch16 輸出完了狀態	Do 6			סוט	CHO <sub></sub> M山尤 J M &
Do 7 0 Ch7 輸出完了重置   Do 8 1 Ch8 輸出   Do 9 1 Ch9 輸出   Do 9 0 Ch9 輸出完了重置   Do 10 1 Ch10 輸出   Do 10 0 Ch10 輸出完了重置   Do 11 1 Ch11 輸出   Do 11 0 Ch11 輸出完了重置   Do 12 1 Ch12 輸出完了工業   Do 12 0 Ch12 輸出完了工業   Do 13 0 Ch13 輸出   Do 14 0 Ch14 輸出   Do 14 0 Ch14 輸出   Do 15 0 Ch15 輸出   Do 16 1 Ch16 輸出				D: 7	Ch7 絵中ウフΨ能
Do 8 1 Ch8 輸出 Di 8 Ch8 輸出完了狀態   Do 9 1 Ch9 輸出 Di 9 Ch9 輸出完了狀態   Do 10 0 Ch9 輸出完了重置 Di 10 Ch10 輸出完了狀態   Do 10 0 Ch10 輸出完了重置 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 11 1 Ch11 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 1 Ch12 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 7		CIT7 新田	וט ו	CII7 制山尤 J / / / / / / / / / / / / / / / / / /
Do 8 0 Ch8 輸出完了重置   Do 9 1 Ch9 輸出   Do 10 0 Ch9 輸出完了重置   Do 10 0 Ch10 輸出   Do 11 0 Ch10 輸出完了重置   Do 11 0 Ch11 輸出   Do 12 0 Ch12 輸出 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 0 Ch12 輸出完了重置 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態		-		D: 0	Ch8 輸出空乙狀能
Do 9 1 Ch9 輸出 Di 9 Ch9 輸出完了狀態   Do 10 1 Ch10 輸出 Di 10 Ch10 輸出完了狀態   Do 11 1 Ch10 輸出完了重置 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 11 1 Ch11 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 1 Ch12 輸出 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 1 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 1 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 8			סוט	CHO新山尤丁灰忽
Do 9 0 Ch9 輸出完了重置   Do 10 1 Ch10 輸出 Di 10 Ch10 輸出完了狀態   Do 11 1 Ch10 輸出完了重置   Do 11 1 Ch11 輸出 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 12 1 Ch12 輸出 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 1 Ch12 輸出完了重置 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態		W N		Di 0	Ch9 輸出完了狀態
Do 10 Ch10 輸出   Do 11 Ch10 輸出完了重置   Do 11 Ch11 輸出   Do 12 Ch11 輸出完了重置   Do 12 Di 12   Ch12 輸出完了重置 Di 12   Do 13 Ch12 輸出完了無鑑   Do 13 Ch13 輸出   Do 14 Di 13   Ch14 輸出 Di 14   Do 14 Di 14   Ch14 輸出完了重置 Di 15   Do 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 Ch15 輸出完了工業   Do 16 Di 16   Ch16 輸出 Di 16   Ch16 輸出完了狀態	Do 9			פוט	(11) +19 (11) (11)
Do 10 Ch10 輸出完了重置   Do 11 Ch11 輸出 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 12 1 Ch12 輸出 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 0 Ch12 輸出完了重置 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態				Di 10	Ch10 輸出完了狀態
Do 11 Ch11 輸出 Di 11 Ch11 輸出完了狀態   Do 12 Ch11 輸出完了重置 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 12 Ch12 輸出完了重置 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 Ch13 輸出完了重置 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 10	-		DITO	C1110 #9 E176 3 /// (S)
Do 11 0 Ch11 輸出完了重置   Do 12 1 Ch12 輸出 Di 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態				Di 11	Ch11 輸出完了狀態
Do 12 Ch12 輸出   Do 12 Ch12 輸出完了狀態   Do 13 1 Ch13 輸出 Di 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 13 0 Ch13 輸出完了重置 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 11			DITT	C111 + #3 E1 7 B 3 /1/7 ES
Do 12 Ch12 輸出完了重置   Do 13 Ch13 輸出完了重置   Do 14 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了無態   Do 15 1 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 1 Ch15 輸出 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態		-		Di 12	Ch12 輸出完了狀態
Do 13 Ch13 輸出   Do 13 Ch13 輸出完了狀態   Do 14 1 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 14 0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置 Di 16 Ch16 輸出完了狀態   Do 16 1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 12	-		DITE	
Do 13 0 Ch13 輸出完了重置   Do 14 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   Do 15 Ch15 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 16 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 13			Di 13	Ch13 輸出完了狀態
Do 14 1 Ch14 輸出 Di 14 Ch14 輸出完了狀態   0 Ch14 輸出完了重置 Di 15 Ch15 輸出完了狀態   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置   0 Ch15 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態		0		Di 13	
Do 14 0 Ch14 輸出完了重置   Do 15 1 Ch15 輸出   Do 15 0 Ch15 輸出完了重置   Do 16 1 Ch16 輸出   Do 16 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 14			Di 14	Ch14 輸出完了狀態
Do 15 0 Ch15 輸出完了重置   1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態		0	Ch14 輸出完了重置	D111	
Do 15 0 Ch15 輸出完了重置   1 Ch16 輸出 Di 16 Ch16 輸出完了狀態	Do 15			Di 15	Ch15 輸出完了狀態
Do 16				2.15	
Do 16	Do 16	1	Ch16 輸出	Di 16	Ch16 輸出完了狀態
		0	Ch16 輸出完了重置	23	

R3-PD16 規格書

#### ■ ON/OFF 控制輸出模式

#### • 輸出資料長度: 16位元

Do 1~16分配給 Ch1~16。

當 I/O 模式設定為輸出動作(SW2-7: ON)時, 則沒有輸出完成狀態。

Do	寫入資料	單擊輸出/重置	Di	輸出完成狀態
Do 1 Do 2	0 0	無動作		
	1 0	Ch1 輸出	Di 1	Ch1 輸出完成狀態
	0 1	Ch2 輸出	Di 2	Ch2 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		
	0 0	無動作		
Do 3 Do 4	1 0	Ch3 輸出	Di 3	Ch3 輸出完成狀態
D03 D04	0 1	Ch4 輸出	Di 4	Ch4 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		
	0 0	無動作		
Do 5 Do 6	1 0	Ch5 輸出	Di 5	Ch5 輸出完成狀態
D0 3 D0 6	0 1	Ch6 輸出	Di 6	Ch6 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		4 115
	0 0	無動作		8.1
Do 7 Do 8	1 0	Ch7 輸出	Di 7	Ch7 輸出完成狀態
D07 D08	0 1	Ch8 輸出	Di 8	Ch8 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		,
	0 0	無動作		
Do 9 Do 10	1 0	Ch9 輸出	Di 9	Ch9 輸出完成狀態
D0 9 D0 10	0 1	Ch10 輸出	Di 10	Ch10 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		
	0 0	無動作		
Do 11 Do 12	1 0	Ch11 輸出	Di 11	Ch11 輸出完成狀態
D0 11 D0 12	0 1	Ch12 輸出	Di 12	Ch12 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		
Do 13 Do 14	0 0	無動作		
	1 0	Ch13 輸出	Di 13	Ch13 輸出完成狀態
	0 1	Ch14 輸出	Di 14	Ch14 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		
Do 15 Do 16	0 0	無動作		
	1 0	Ch15 輸出	Di 15	Ch15 輸出完成狀態
	0 1	Ch16 輸出	Di 16	Ch16 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		

上表所示為未交換(SW2-8: OFF)的狀況。當 SW2-8 為 ON 時, ON/OFF 控制輸出將成對性交換。以下是 Do1 和 Do2 的範例。

Do	寫入資料	單擊輸出/重置	Di	輸出完成狀態
Do 1 Do 2	0 0	無動作		
	1 0	Ch2 輸出	Di 2	Ch2 輸出完成狀態
	0 1	Ch1 輸出	Di 1	Ch1 輸出完成狀態
	1 1	輸出資料重置		

#### • 輸出資料長度: 8位元

Do 1~8 依 1:2比例分配給 Ch1~16。

1 個資料中設定 2 個輸出。當 I/O 模式設定為輸出動作(SW2-7: ON)時, 則沒有輸出完成狀態。

Do	寫入資料	單擊輸出/重置	Di	輸出完成狀態
D - 1	0	Ch1 輸出	Di 1	Ch1 輸出完成狀態
Do 1	1	Ch2 輸出	Di 2	Ch2 輸出完成狀態
Do 2	0	Ch3 輸出	Di 3	Ch3 輸出完成狀態
D0 2	1	Ch4 輸出	Di 4	Ch4 輸出完成狀態
Do 3	0	Ch5 輸出	Di 5	Ch5 輸出完成狀態
D0 3	1	Ch6 輸出	Di 6	Ch6 輸出完成狀態
Do 4	0	Ch7 輸出	Di 7	Ch7 輸出完成狀態
D0 4	1	Ch8 輸出	Di 8	Ch8 輸出完成狀態
Do 5	0	Ch9 輸出	Di 9	Ch9 輸出完成狀態
D0 3	1	Ch10 輸出	Di 10	Ch10 輸出完成狀態
Do 6	0	Ch11 輸出	Di 11	Ch11 輸出完成狀態
D0 6	1	Ch12 輸出	Di 12	Ch12 輸出完成狀態
Do 7	0	Ch13 輸出	Di 13	Ch13 輸出完成狀態
D0 7	1	Ch14 輸出	Di 14	Ch14 輸出完成狀態
Do 8	0	Ch15 輸出	Di 15	Ch15 輸出完成狀態
D0 0	1	Ch16 輸出	Di 16	Ch16 輸出完成狀態

上表所示為未交換(SW2-8: OFF)的狀況。當 SW2-8 為 ON 時, ON/OFF 控制輸出將成對性交換。以下是 Do1 的範例。

Do	寫入資料	單擊輸出/重置	Di	輸出完成狀態
Do 1	0	Ch2 輸出	Di 2	Ch2 輸出完成狀態
	1	Ch1 輸出	Di 1	Ch1 輸出完成狀態

#### ■連續輸出模式

Do 1 ~ 16 分配給 Ch1 ~ 16。當資料 Do 為 "1" 時, 輸出為 ON (激磁); 當資料 Do 為 "0" 時, 輸出為 OFF (非激磁)。 其操作相當於16點接點輸出模組(型號: R3-DC16)。輸出完成狀態 Di 與 Do 連動。

當 I/O 模式設定為輸出動作(SW2-7: ON)時, 則沒有輸出完成狀態。

Do	連續輸出	Di	輸出完成狀態
Do 1	Ch1 輸出	Di 1	Ch1 輸出完成狀態
Do 2	Ch2 輸出	Di 2	Ch2 輸出完成狀態
Do 3	Ch3 輸出	Di 3	Ch3 輸出完成狀態
Do 4	Ch4 輸出	Di 4	Ch4 輸出完成狀態
Do 5	Ch5 輸出	Di 5	Ch5 輸出完成狀態
Do 6	Ch6 輸出	Di 6	Ch6 輸出完成狀態
Do 7	Ch7 輸出	Di 7	Ch7 輸出完成狀態
Do 8	Ch8 輸出	Di 8	Ch8 輸出完成狀態
Do 9	Ch9 輸出	Di 9	Ch9 輸出完成狀態
Do 10	Ch10 輸出	Di 10	Ch10 輸出完成狀態
Do 11	Ch11 輸出	Di 11	Ch11 輸出完成狀態
Do 12	Ch12 輸出	Di 12	Ch12 輸出完成狀態
Do 13	Ch13 輸出	Di 13	Ch13 輸出完成狀態
Do 14	Ch14 輸出	Di 14	Ch14 輸出完成狀態
Do 15	Ch15 輸出	Di 15	Ch15 輸出完成狀態
Do 16	Ch16 輸出	Di 16	Ch16 輸出完成狀態
			-

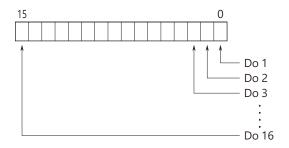
R3-PD16 規格書

型號: R3-PD16

NR/LX COM. tW

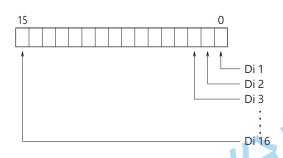
# 位元配置

■ Do 資料



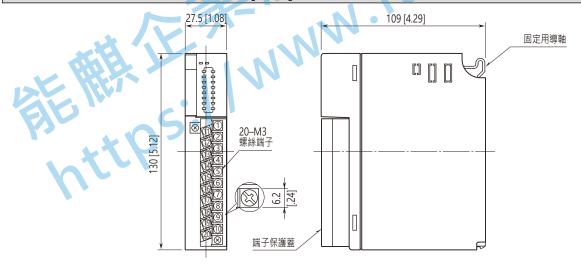
注意: ON/OFF 控制模式 8位元長度時, Do 9 ~ Do 16 不可使用。

■ Di 資料

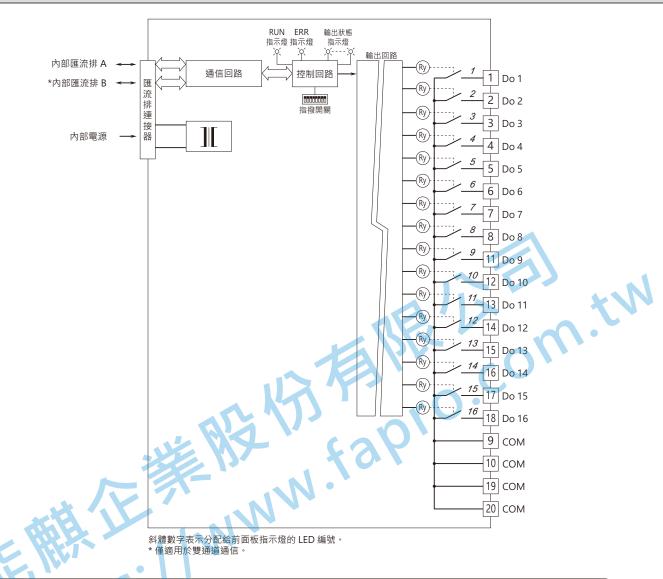


注意: Di 資料不是實際的接點輸入資料。它是內部的 "輸出完成狀態"

# 外型尺寸和端子配置圖 單位: mm [inch]



# 電路概要和接線圖



W

規格如有更改,恕不另行通知。